

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CÔNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2021/HS-ST**
Ngày 13- 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Thuận
2. Bà Lê Thị Dệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2021/TLST - HS ngày 11 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/HSST-QĐ ngày 14/7/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 03/TB-TA ngày 30/7/2021 đối với các bị cáo:

1. Mai Trọng T, sinh năm 1988 tại: Xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Trọng H (Đã chết) và bà Trịnh Thị V; có vợ là Lê Thị N và có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 23/3/2018 Công an huyện Nông Công xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 150/CANC, đến nay chưa thực hiện quyết định xử phạt.

Nhân thân: Năm 2008 Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản”, chấp hành xong án ngày 17/6/2016 trở về địa phương.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/02/2021 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Cù Văn T1, sinh năm 1988 tại: Xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn V1, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà: Cù Thị Đ; không xác định được cha; có vợ là Bùi Thị V2 và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/12/2020 đến ngày 25/12/2020 chuyển tạm giam. Ngày 05/5/2021 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. Lê Mai H2, sinh năm 1994 tại: xã M, huyện N2, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Y, xã M, huyện N2, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 04-QĐ/UBKTHU ngày 04/01/2021 của UBKT Huyện ủy Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Mai V, con bà Hoàng Thị M1; chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/12/2020 đến ngày 25/12/2020 chuyển tạm giam. Ngày 13/4/2021 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. Đỗ Văn S, sinh năm 1995 tại: Xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Đ1, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T2, con bà Hoàng Thị L1; có vợ là Quách Thị Phương T3 và có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/12/2020 đến ngày 25/12/2020 chuyển tạm giam. Ngày 13/4/2021 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

*** Bị hại:** Anh Phạm Tuấn Đ2, sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn V1, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Phạm Tuấn Đ2:**

1. Luật sư Trần Đại P - Công ty luật Khang Thái thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

2. Luật sư Trần Văn H3 - Công ty luật Khang Thái thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

3. Luật sư Hoàng Doanh T4 - Công ty luật TNHH IVYLAWS A&A thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

*** Người làm chứng:**

1. Chị Nguyễn Thị Hằng N3, sinh ngày 27/12/2003

Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện Y, TP Hải Phòng.

2. Chị Bùi Thị L2, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Xanh, xã F, huyện X, Thanh Hóa

3. Bà Trần Thị T5, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn V1, xã L, huyện N, Thanh Hóa

4. Chị Nguyễn Thị L3, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Z, xã Q, TP Thanh Hóa, Thanh Hóa

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại và 2 Luật sư (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Có mặt người làm chứng Nguyễn Thị L3, 3 người làm chứng còn lại vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cù Văn T1 có địa chỉ tại thôn V1, xã L, huyện N có cho anh Phạm Tuấn Đ2 cùng thôn vay số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu) nhưng khi viết giấy vay, người ký tên cho vay lại là Mai Trọng T (Là chủ quán cà phê Karaoke Sông Yên ở Tiểu khu Bắc Giang, thị trấn Nông Công). T1 đã nhiều lần đòi nợ nhưng Đ2 không trả. Khoảng 11 giờ ngày 18/12/2020 T1 gọi điện cho T bảo đi tìm Đ2 để đòi nợ thì T nói “Đến tối hãy tìm”, T1 nói lại với T “Đề T1 đi lòng vòng xem có tìm thấy Đ2 hay không”. T1 đi xe máy đến nhà anh Lê Quang L4 ở thôn V1, xã L nhờ L4 đi tìm cùng. T1 và L4 đi đến một số nhà người thân, bạn bè của Đ2 thì được biết Đ2 đang uống nước ở khu vực chợ Trầu xã C, huyện N nên T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter màu xanh, trắng BKS 36B3 - 881.61 chở L4 đi vào khu vực chợ Trầu xã C thì gặp Đ2 đang ngồi uống nước ở quán trà sữa. T1 vào bảo Đ2 đi ra ngoài nói chuyện còn L4 thì đứng ở ngoài cửa. Ra ngoài, T1 yêu cầu Đ2 lên xe để đi về cùng T1 và L4. Trên đường về, T1 gọi cho T và nói “Đã bắt được hần (tức Đ2) rồi em mang về quán nhá”. Nghe xong điện thoại, T bảo “thì cứ đem về quán”. Được một lúc sau thì T1 và L4 đưa Đ2 về quán cà phê Karaoke Sông Yên của T Đến nơi T và T1 đưa Đ2 vào phòng nghỉ của nhân viên ở phía sau quán, lúc này trong phòng có Lê Mai H2 và Đỗ Văn S (Là bạn của T). T bảo Đ2 úp mặt vào tường rồi hỏi nợ đồng thời T dùng tay, chân đánh vào vùng đầu, mặt Đ2; S cũng đứng dậy lao vào dùng tay, chân đánh vào vùng đầu và mặt Đ2. Thấy T, S đánh anh Đ2 thì T1 đi lại can ngăn nhưng không được nên đi ra cửa đứng và nói với L4 “em chở anh về đi

làm”. T1 trở L4 về nhà, sau đó T1 đi về nhà của mình lấy giấy vay nợ của Đ2 rồi quay lại quán cùng T bắt Đ2 gọi điện về cho gia đình để thu xếp trả nợ. Ngay sau đó, T dùng chiếc điều cày vừa hút xong đánh một cái vào vùng mặt của Đ2. Đ2 sợ nên phải gọi điện về nhà nhưng không được thì T nói với đồng bọn đưa Đ2 ra quầy bán hàng yêu cầu Đ2 viết giấy vay nợ số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu). T bảo H2 lấy giấy vay nợ in sẵn và bút ra cho Đ2 viết nhưng do bị đánh đau nên Đ2 không viết được. T đã cầm cốc thủy tinh đang để ở bàn đập vào đầu Đ2 nên Đ2 phải viết và ký ghi rõ họ tên vào giấy vay nợ. T cầm giấy còn Đ2 tiếp tục gọi điện về nhà báo gia đình cầm tiền lên trả cho T để được về. Một lúc sau có chị Nguyễn Thị L3 (Dì ruột của Đ2) gọi điện cho Đ2 để nói chuyện với T về việc nợ và hẹn được gặp T. Sau khi nói chuyện xong, T bảo T1 về nhà lấy cho Đ2 bộ quần áo để thay vì sau khi bị đánh; bộ quần, áo Đ2 đang mặc có dính máu. Thay xong quần áo, T lấy điện thoại của Đ2 đưa cho T1 để khi người nhà gọi thì nghe máy. Một lúc sau, chị L3 gọi điện vào máy của Đ2 để hẹn gặp T, hai bên thống nhất hẹn gặp nhau tại quán cà phê G ở Thị trấn N, huyện N, T và S đi ra quán gặp chị L3 trao đổi về việc trả tiền nhưng không thống nhất được. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, chị L3 gọi điện cho T yêu cầu cho gặp Đ2 và đưa tiền thì S gợi ý là mang đến nhà nghỉ A ở xã V, huyện N nên T hẹn chị L3 gặp tại nhà nghỉ A. T bảo T1 và H2 đưa Đ2 đến nhà nghỉ A. T1 đi xe mô tô của mình chở Đ2 ngồi giữa và H2 ngồi sau đến nhà nghỉ A. Đến nơi, H2 thuê phòng 201 dẫn Đ2 lên và thu lại điện thoại để dễ kiểm soát sau đó đóng cửa phòng, T1 ở tầng dưới chờ chị L3 chờ khoảng 20 phút không thấy chị L3 đến nên T1 và H2 đưa anh Đ2 quay về quán. Khi T1 và H2 chở Đ2 về đến quán thì chị Lý3 lại gọi điện vào máy của Đ2 và nói đã đến nhà nghỉ A. T1 và H2 lại tiếp tục đưa Đ2 đến nhà nghỉ H A ngồi đợi khoảng 20 phút nhưng vẫn không thấy chị L3 đến nên T bảo T1 và H2 đưa Đ2 về quán của T cho ăn cơm và trông coi Đ2. Đến khoảng 20 giờ chị L3 lại tiếp tục gọi vào điện thoại của Đ2 và nói với T là đã xuống tới nhà nghỉ A thì T1 bảo H2 đến xem chị L3 đã đến chưa để lấy tiền. H2 và S đi gặp chị L3, còn T1 ở lại trông coi Đ2. S và H2 đi đến cây xăng xã V, huyện N thì bị Công an huyện Nông Cống phát hiện và yêu cầu về làm việc, Khi đưa hai đối tượng về đến quán cà phê karaoke Sông Yên thì gặp T1 đang trông coi Đ2 ở quán nên Công an đã đưa các đối tượng về Công an huyện Nông Cống để làm việc. Tại cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống T1, H2, S xin đầu thú và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đối với Mai Trọng T sau khi nghe thông tin H2, T1, S bị bắt nên đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 07/01/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống khởi tố bị can đối với Mai Trọng T về hành vi “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 05/02/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã ra Quyết định truy nã đối với T. Đến ngày 17/02/2021 nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên T đã đến Công an Thị trấn Nông Cống xin đầu thú. Công an thị trấn Nông Cống đã bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống.

Đối với Lê Quang L4 là người được T1 rủ đi tìm anh Đ2 để đưa về quán cà phê Karaoke Sông Yên nhưng anh L4 không biết việc Đ2 nợ tiền của T1 cụ thể như thế nào. Về đến quán L4 không quen biết ai ngoài T1 và chỉ ngồi ở ngoài quán một lúc rồi về. Sau khi sự việc xảy ra L4 đã đi làm ăn xa, không có mặt tại nơi cư trú. Đến nay cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống chưa làm việc được với Lê Quang L4 nên chưa có căn cứ xác định Lê Quang L4 có liên quan đến vụ việc trên hay không.

Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã tách đối tượng Lê Quang L4 để tiếp tục điều tra, xác minh nếu có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

***Phần thương tích và giám định sức khỏe;**

Theo biên bản xem xét dấu vết trên thân thể vào hồi 22 giờ 15 phút ngày 18/12/2020 tại Công an huyện Nông Cống ghi nhận như sau:

+ 01 vết thương rách da rỉ máu kích thước 03cm x 01cm bờ mép vết thương sắc gọn ở đỉnh đầu bên phải.

+ 01 khối sưng nề, bầm tím ở mắt trái kích thước 4,5cm x 4 cm

+ 01 khối sưng đỏ, bầm tím ở mắt phải kích thước 3cm x 4cm

Ngày 04/01/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống ra Quyết định số 01/CSĐT trưng cầu giám định tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe đối với thương tích của anh Phạm Tuấn Đ2. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 07/2021/TTPY ngày 08/01/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh đầu bên phải, kích thước sẹo nhỏ 01% theo nguyên tắc tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm (Thông tư 22/2019/TT-BYT Bảng 1 chương 8, mục I ; 1).

Các chấn thương, vết thương phần mềm khác đã được điều trị, hiện tại không để lại sẹo vết thương phần mềm, không có di chứng tổn thương chức năng do chấn thương 0% (không phần trăm).

Tại thời điểm giám định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với anh Phạm Tuấn Đạt được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể (Điều 4 Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế) là 01%. (Một phần trăm).

Ngày 06/04/2021 Luật sư Trần Đại P2 và Luật sư Trần Văn H3 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Phạm Tuấn Đ2 có đơn yêu cầu giám định bổ sung đối với tổn thương cơ thể do thương tích gây.

Ngày 19/4/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống ra Quyết định số: 02/CSĐT trưng cầu giám định bổ sung tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe đối với thương tích của Phạm Tuấn Đ2.

Tại bản kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích số 274/2021/TTPY ngày 29/4/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận:

Tại thời điểm giám định pháp y bổ sung về thương tích. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên theo từng thương tích, nhóm thương tích của Phạm Tuấn Đ2 là:

- Vết thương rách da rỉ máu, kích thước khoảng 03cm bờ mép sắc gọn ở đỉnh đầu bên phải; đã được điều trị; hiện tại còn di chứng, sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh đầu bên phải: 01% (Một phần trăm).

- Nhóm vết thương gồm:

- + 01 khối sưng nề, bầm tím ở mắt trái kích thước 4,5cm x 4cm; 01 khối sưng đỏ, bầm tím ở mắt phải kích thước 3cm x 4cm đã được điều trị; hiện tại không còn sẹo, vết thương phần mềm không còn thâm, bầm, tím, không có di chứng tổn thương xương vùng hàm mặt, không có di chứng tổn thương cơ quan chức năng do chấn thương 0% (Không phần trăm).

*** Vật chứng vụ án:**

Vật chứng thu giữ được gồm:

- 01 áo khoác gió màu đỏ, lót lông màu trắng, có dính chất màu đỏ (là máu) đã qua sử dụng.

- 01 quần bò màu đen, túi quần sau bên phải có in dòng chữ LOVENICHOL đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO A31 màu đen IME11:860646045071452; IME12860646045071445 bên trong có 02 sim số; 0963.424.817, 0962.563.350 nhà mạng Viettel đã qua sử dụng. (thu giữ của Cù Văn T1).

- 01 điện thoại màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 6S màu xám số máy MNOW2B/A; số sê-ri: FK1V8EZ9HFLR bên trong có 01 phôi sim nhà mạng Viettel số 0392.194.686. (thu giữ của Lê Mai H2).

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng OPPO F5, màu vàng, IME11 867453032534250, IME12 867453032534243, ốp điện thoại màu đen, mặt ốp màu trắng, có hình trái tim màu đỏ đã qua sử dụng (thu giữ của Phạm Tuấn Đ2).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exeiter, màu trắng, xanh, Biển kiểm soát 36B3 - 881.61 đã qua sử dụng (thu giữ của Cù Văn T1).

- 01 điều cày (dùng để hút thuốc Lào) hình trụ dài 70cm, đường kính ngoài 4,5cm, bên ngoài được bọc bằng kim loại màu vàng, (không có chân) đã qua sử dụng (thu giữ tại quán cà phê Karaoke của Mai Trọng T).

Toàn bộ vật chứng đã được Công an huyện Nông Công chuyển đến Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nông Công ngày 11/6/2011.

Vật chứng không thu giữ được:

- 01 tờ giấy màu trắng tiêu đề “GIẤY MƯỢN TIỀN” có thể hiện số tiền 40.000.000đ ngày lập ghi 01/02/2020, người mượn là Phạm Tuấn Đ2.

- 01 chiếc cốc dạng thủy tinh, màu trong suốt.

- 01 bút bi màu đen.

*** Phần dân sự:** Bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường toàn bộ chi phí điều trị tại Bệnh viện Tâm Đức Cầu Quan và Bệnh viện 71 Trung ương.

Ngày 29/4/2021 gia đình các bị cáo: Mai Trọng T, Cù Văn T1, Đỗ Văn S, Lê Mai H2 đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong cho bị hại Phạm Tuấn Đ2. Anh Đ2 đã nhận đầy đủ tiền bồi thường và có đơn xin miễn, giảm trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

* Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKSNC ngày 11/6/2021, VKSND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố các bị cáo: Mai Trọng T, Cù Văn T1, Đỗ Văn S và Lê Mai H2 về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 169 BLHS.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên VKSND huyện Nông Cống trình bày quan điểm luận tội giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 169 BLHS: Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với Mai Trọng T, đề xuất mức hình phạt từ 36 tháng đến 42 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Cù Văn T1, Đỗ Văn S, Lê Mai H2; đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo T1 từ 30 tháng đến 36 tháng tù cho hưởng án treo; đối với bị cáo S từ 27 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo; đối với bị cáo H2 từ 24 tháng đến 27 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách của các bị cáo gấp đôi. Phạt bổ sung bị cáo T và bị cáo T1 mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ. Đối với Lê Quang L4, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã tách hành vi để tiếp tục điều tra và xử lý theo quy định. Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exeiter, màu trắng, xanh, Biển kiểm soát 36B3 - 881.61 và 01 điện thoại di động của Cù Văn T1; tịch thu, sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động của bị cáo H2. Trả lại cho Phạm Tuấn Đ2 - 01 Điện thoại di động; tịch thu, tiêu hủy số vật chứng thu giữ không còn giá trị sử dụng. Chấp nhận các bị cáo đã thực hiện xong phần bồi thường; các bị cáo phải chịu án phí HSST.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại và người làm chứng cùng vật chứng đã thu giữ được. Như vậy, đủ căn cứ chứng minh vào khoảng 11 giờ 45 phút ngày 18/12/2020, tại quán cà phê Karaoke Sông Yên của Mai Trọng Tở tiểu khu Bắc Giang, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; các bị cáo Mai Trọng T, Cù Văn T1, Lê Mai H2 và Đỗ Văn S đã có hành vi bắt giữ và dùng vũ lực đối với Phạm Tuấn Đ2 để ép Đ2 và gia đình phải trả số tiền nhiều hơn số tiền mà Đ2 vay của T1 trước đó. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 169 của BLHS. Như vậy, Cáo trạng của VKSND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo: Mai Trọng T, Cù Văn T1, Lê Mai H2 và Đỗ Văn S về tội “bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 169 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản, xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền tự do của con người được pháp luật hình sự bảo vệ. Vì vậy, cần xử lý nghiêm tương xứng với hành vi mà các bị cáo thực hiện để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, có ích cho bản thân, gia đình và xã hội, đồng thời góp phần răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4]Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành. Bị cáo T1 và bị cáo T có vai trò cao hơn bị cáo Svà bị cáo H2.

[5] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng mà có chung các tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại cho bị hại; người phạm tội đầu thú; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về nhân thân: Các bị cáo Cù Văn T1, Lê Mai H2 và Đỗ Văn S không có tiền án, tiền sự là người có nhân thân tốt. Bị cáo Mai Trọng T có 01 tiền sự về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 150/CANC ngày 23/3/2018 của Công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa và năm 2008 đã từng bị TAND thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 8 năm tù về tội “Cướp tài sản”; vì vậy, là người có nhân thân xấu.

[6] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo Thành ra khỏi đời sống xã hội một thời gian với điều kiện cải tạo nghiêm khắc theo quy chế trại giam để cải tạo bị cáo thành người tốt là phù hợp với Điều 38 BLHS. Đối với 3 bị cáo còn lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định

thời gian thử thách, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ để giáo dục các bị cáo trở thành người tốt là phù hợp với quy định tại Điều 65 BLHS và chính sách hình sự của Nhà nước ta hiện nay.

Thông qua giải quyết vụ án, HĐXX kiến nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống tiếp tục tiến hành điều tra, xác minh làm rõ hành vi người có tên Lê Quang L4 thể hiện trong hồ sơ vụ án, để xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận các bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại. Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên HĐXX không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 xe Mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exeiter màu trắng, xanh; Biển kiểm soát 36B3 - 881.61; 01 điện thoại di động của Cù Văn T1; 01 điện thoại di động của Lê Mai H2. Trả lại cho Phạm Tuấn Đ2 - 01 Điện thoại di động. Tịch thu, tiêu hủy sổ vật chứng thu giữ không còn giá trị sử dụng.

[9] Về án phí: Các bị cáo có tội, không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 169 BLHS: Tuyên bố các bị cáo: Mai Trọng T, Cù Văn T1, Lê Mai H2 và Đỗ Văn S phạm tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ khoản 1, khoản 6 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với Mai Trọng T:

1. Xử phạt Mai Trọng T: 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (17/02/2021). Phạt bổ sung bị cáo 12.000.000đ nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 6 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS đối với Cù Văn T1:

2. Xử phạt Cù Văn T1: 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/8/2021). Phạt bổ sung bị cáo 12.000.000đ nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS đối với các bị cáo: Lê Mai H2 và Đỗ Văn S:

3. Xử phạt Lê Mai H2: 27 (Hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 (Năm mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/8/2021).

4. Xử phạt Đỗ Văn S: 27 (Hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 (Năm mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/8/2021).

Giao bị cáo Cù Văn T1 cho UBND xã L và bị cáo Đỗ Văn S cho UBND xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; bị cáo Lê Mai H2 cho UBND xã M, huyện N2, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu, nộp vào Ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exeiter, màu trắng, xanh, Biển kiểm soát 36B3 - 881.61 đã qua sử dụng của Cù Văn T1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S của Lê Mai H2.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 điều cày (dùng để hút thuốc lào) 01 áo khoác gió màu đỏ và 01 quần bò màu đen không còn giá trị sử dụng.

- Trả lại cho anh Phạm Tuấn Đ2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 đã qua sử dụng.

(Đặc điểm chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Nông Công và Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Công lập ngày 11/6/2021).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Mai Trọng T, Cù Văn T1, Lê Mai H2 và Đỗ Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo; vắng mặt bị hại và Luật sư. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; Bị hại;
- Người bảo vệ quyền & lợi ích hợp pháp của bị hại;

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Công;
- Công an huyện Nông Công;
- Chi cục THADS huyện Nông Công;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Tình

